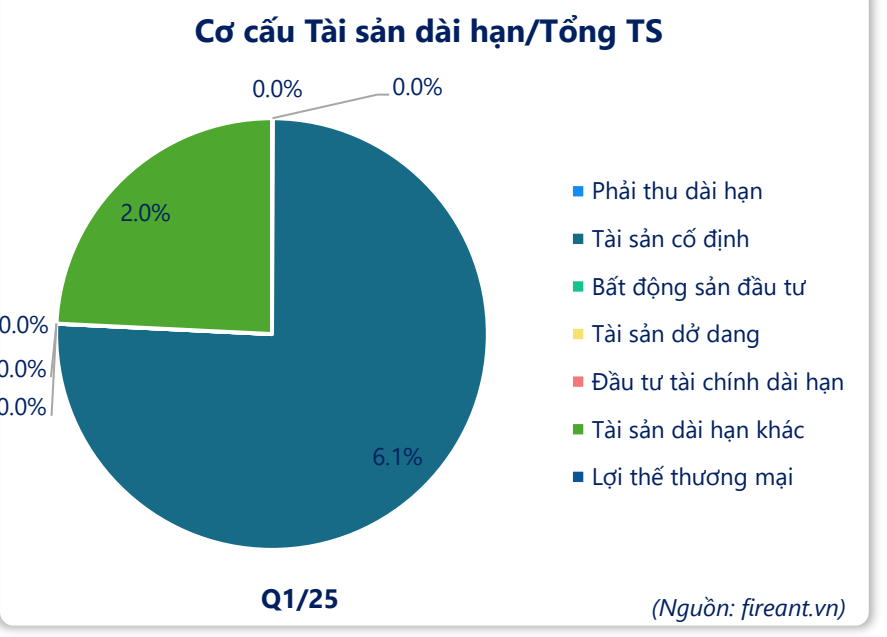
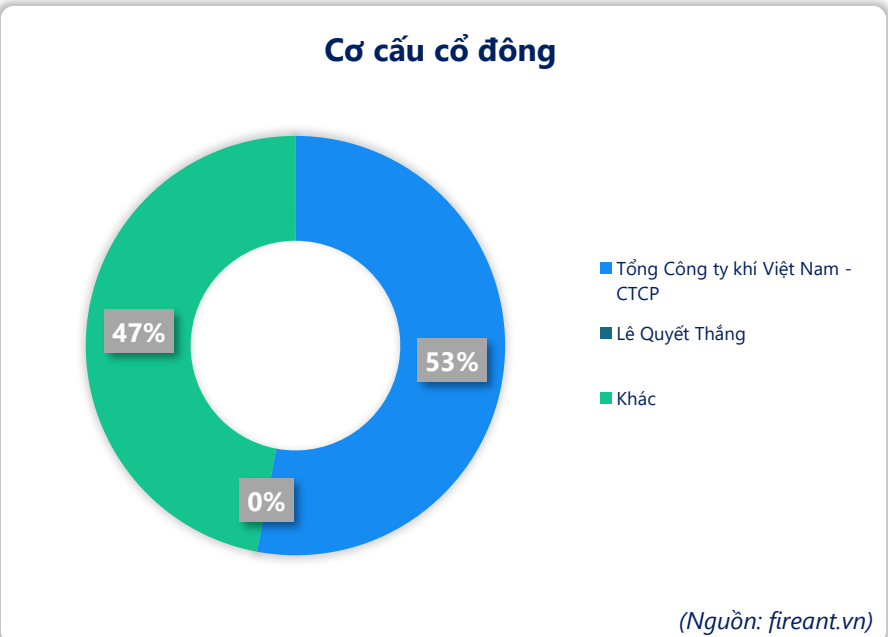
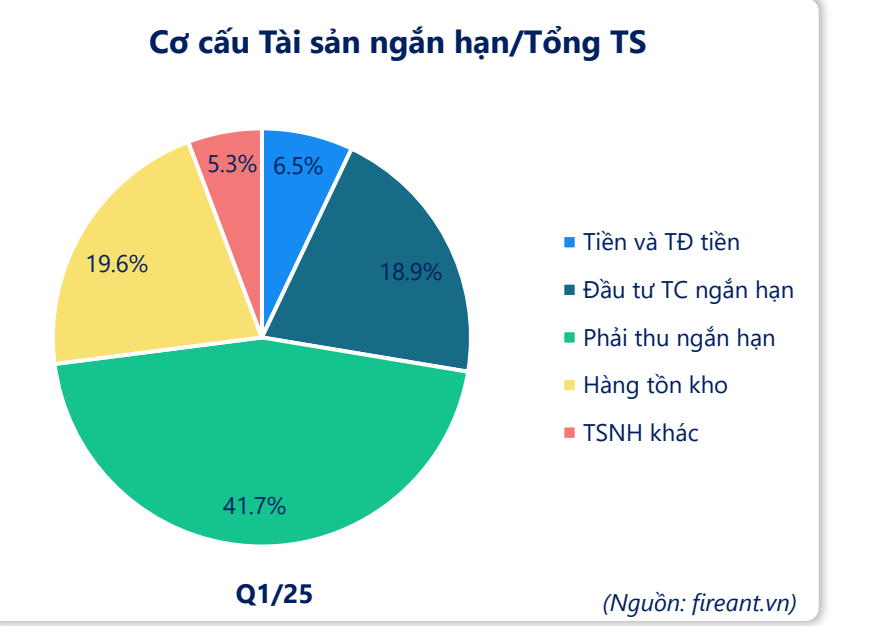
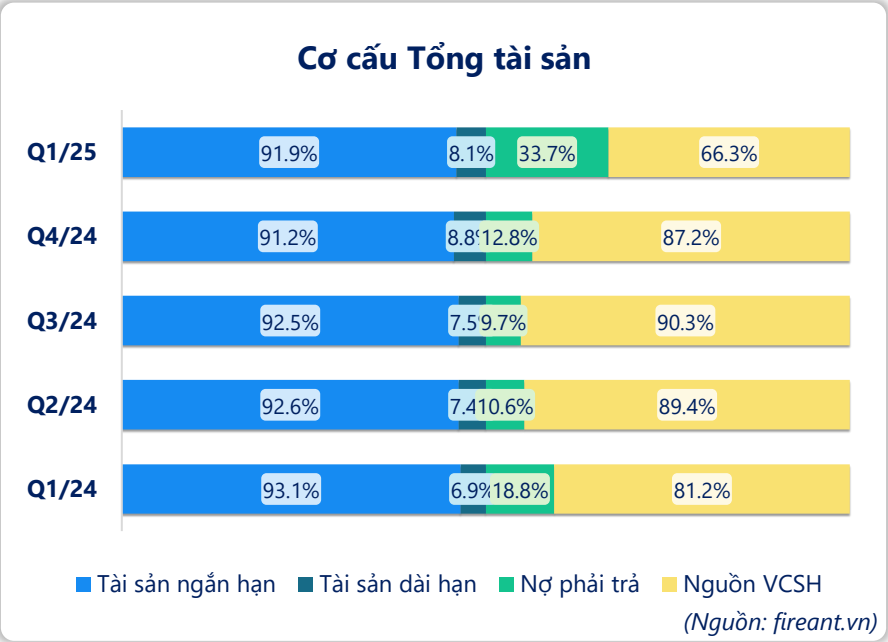
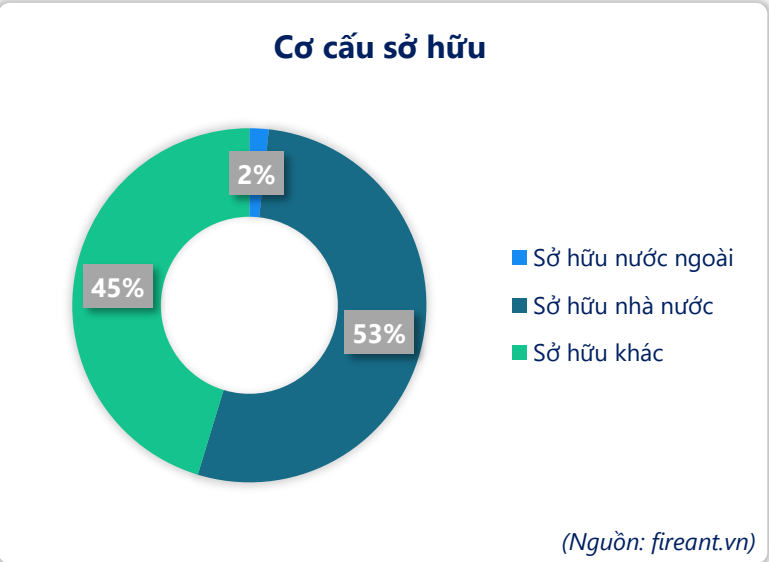
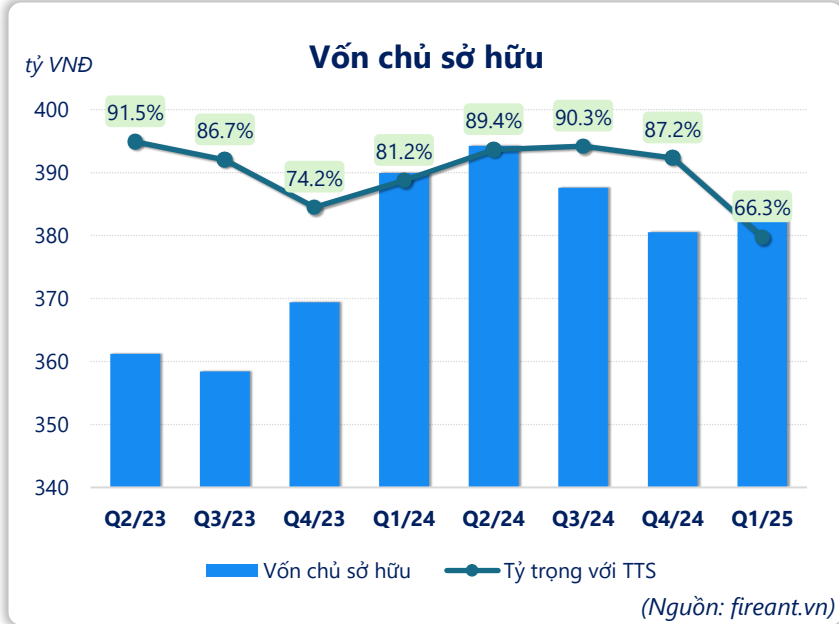
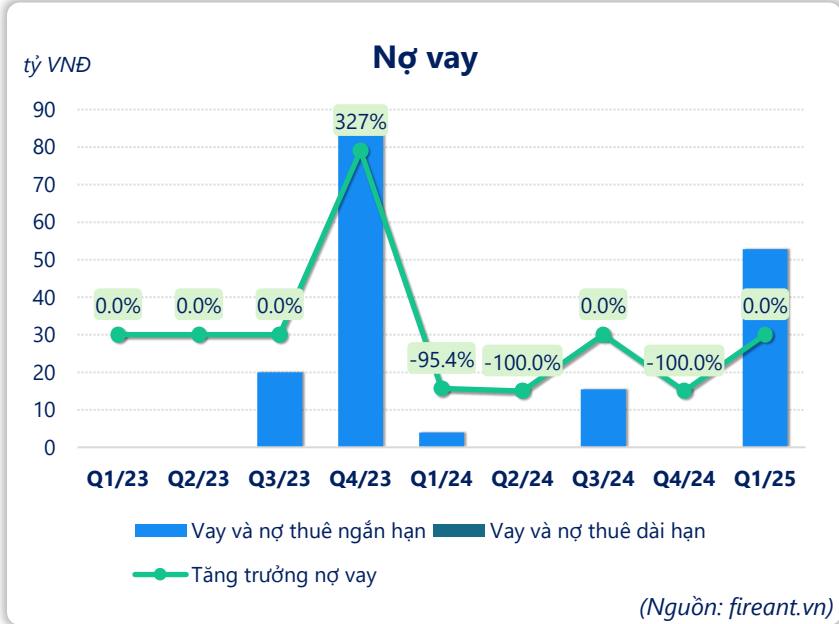
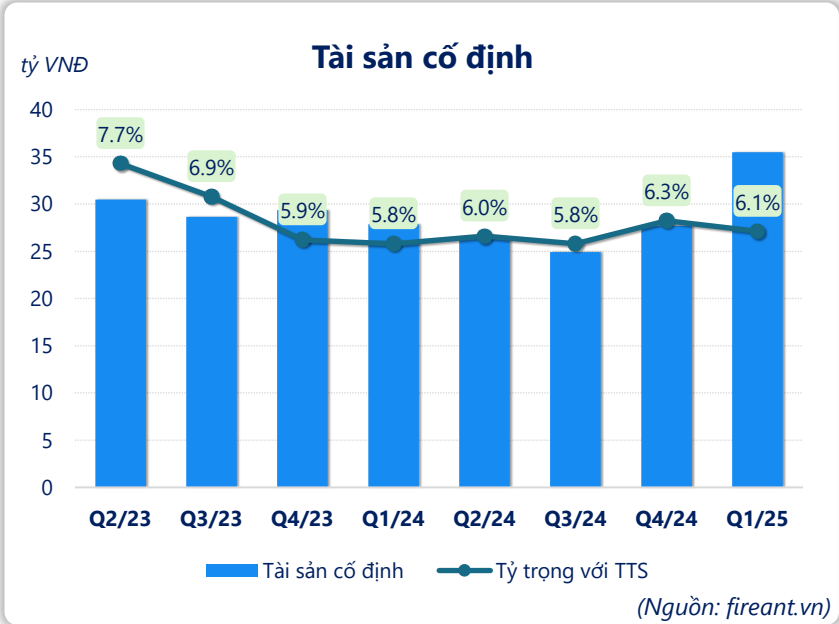
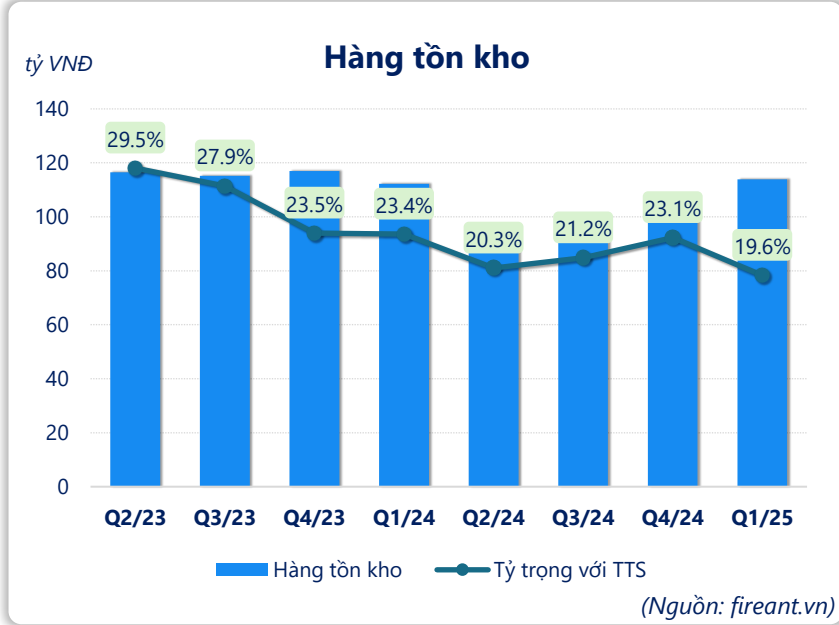
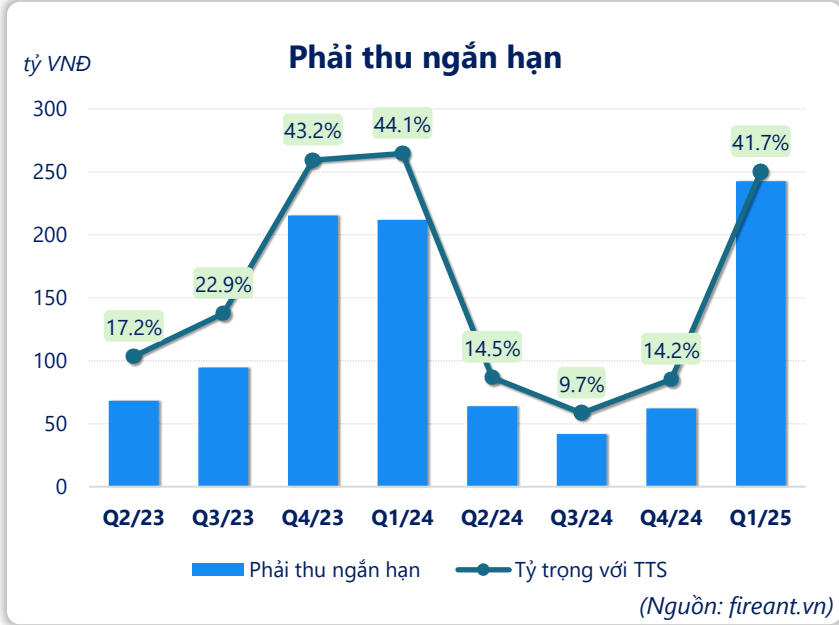
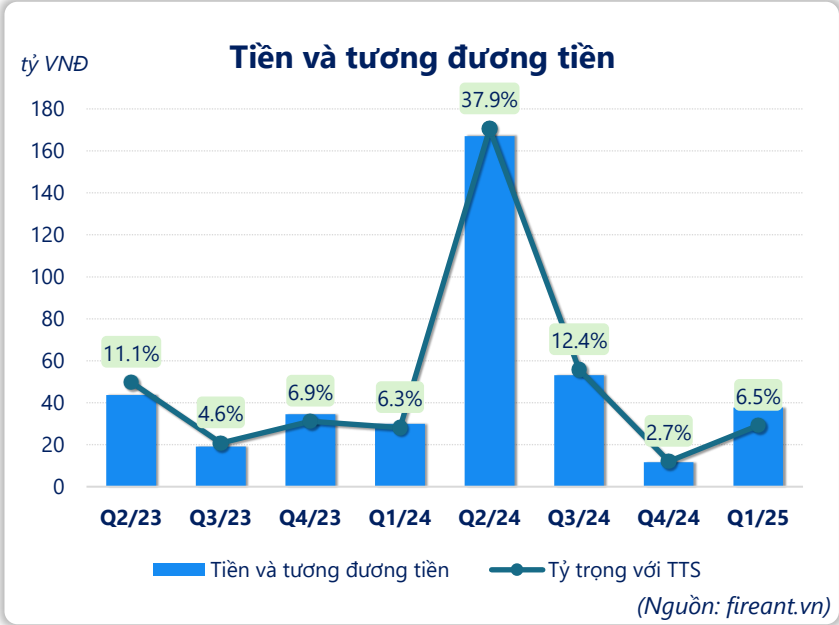
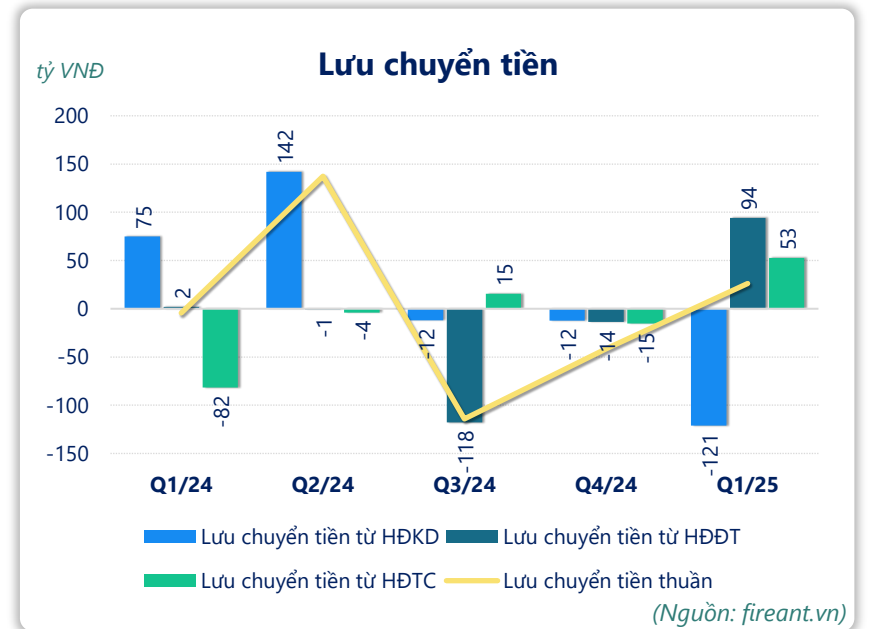
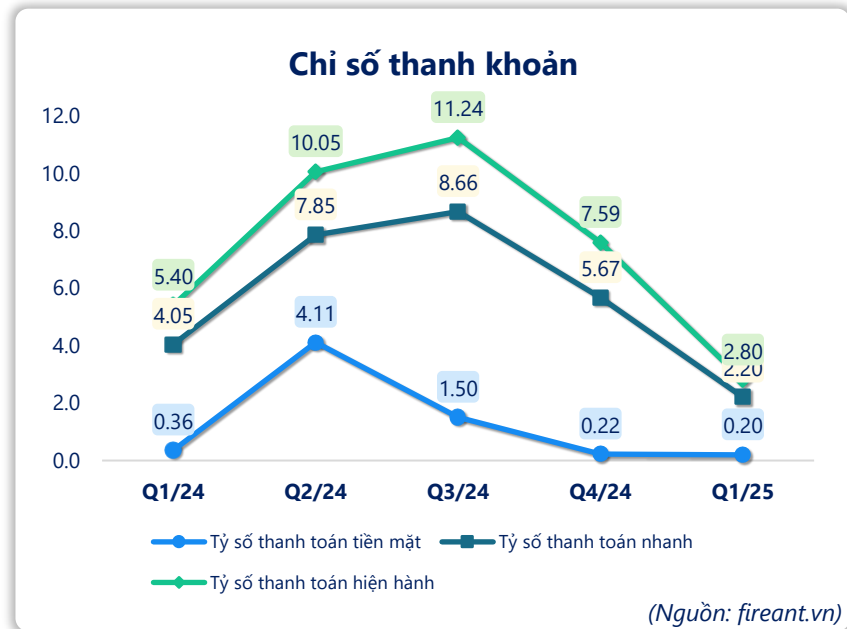
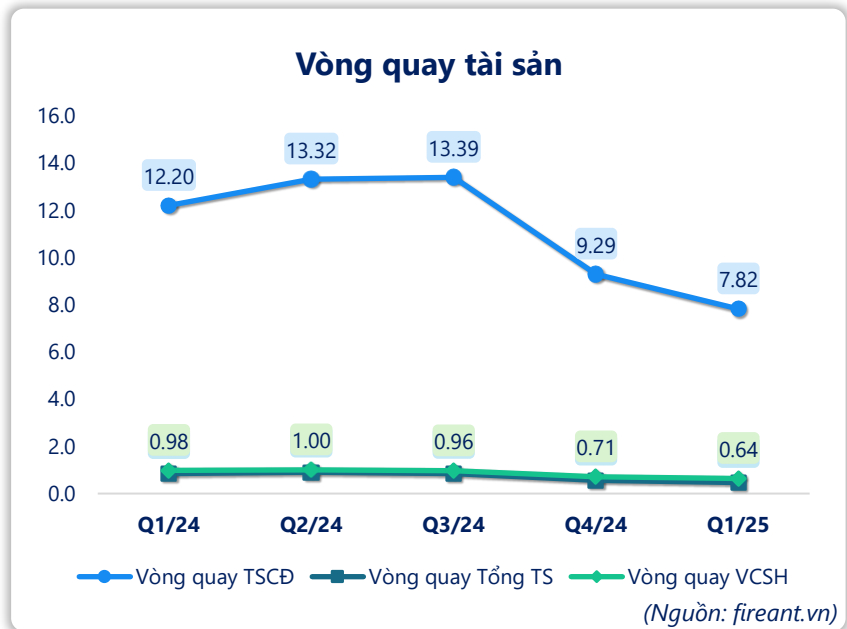
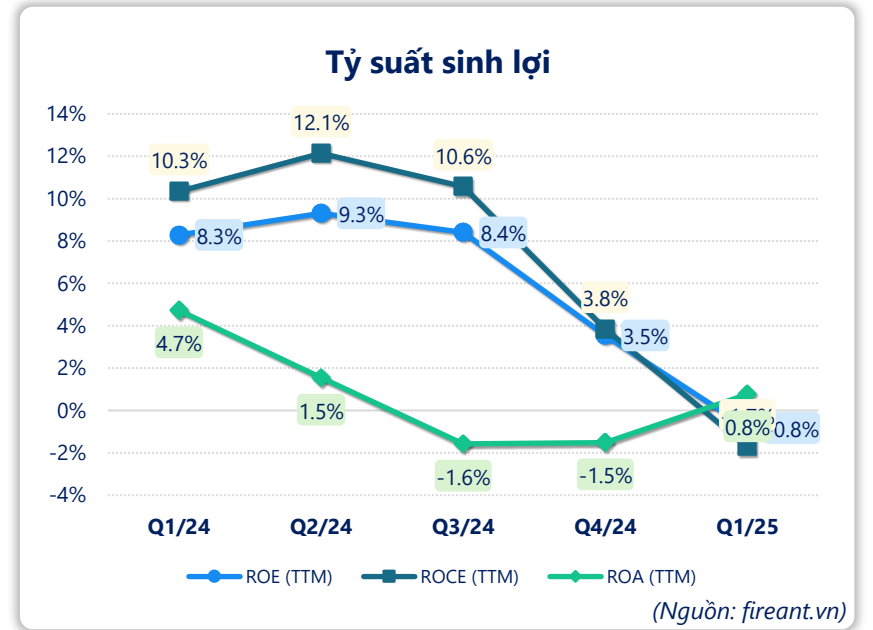
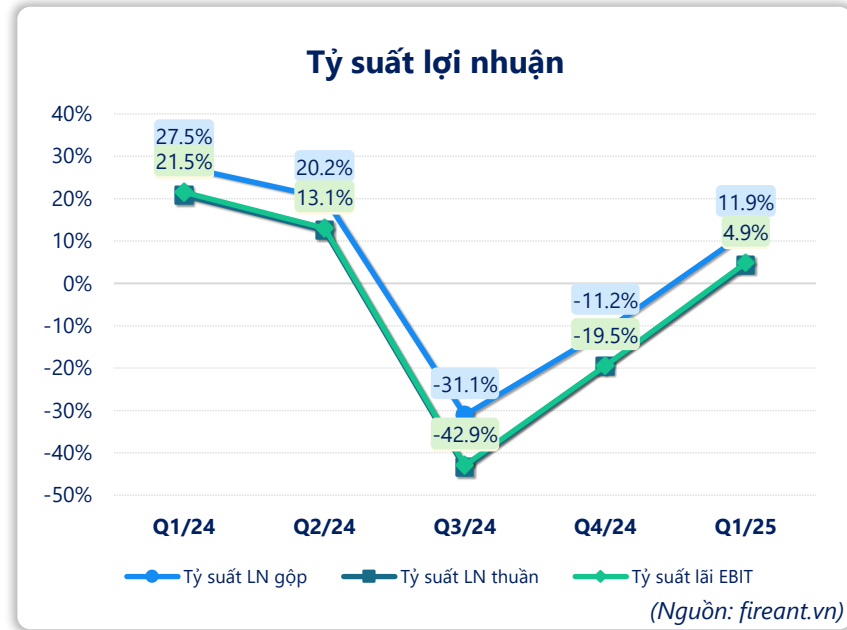
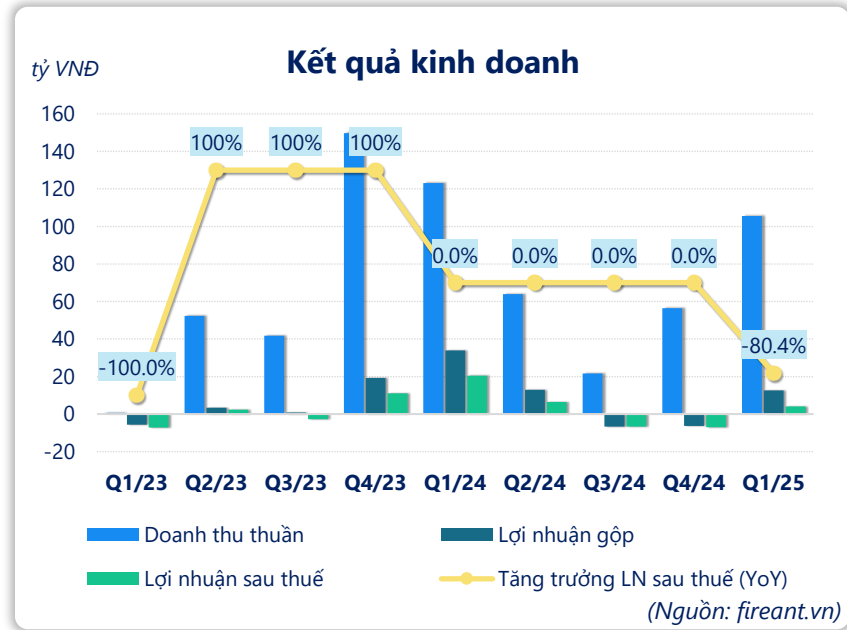


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		30,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		35,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		22,700
SL cổ phiếu LH		21,599,998
KLGD BQ 20 phiên (CP)		185,905
% sở hữu nước ngoài		1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		667
P/E		-208.3
EPS		-148

	YTD	1T	3T	6T
PVB	3.0%	-11.0%	-1.6%	3.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	582	454	28.2%
Tài sản ngắn hạn	535	415	29.0%
Tiền và tương đương tiền	37.8	11.7	223%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110	210	-47.6%
Phải thu ngắn hạn	243	78.4	209%
Hàng tồn kho	114	101	13.1%
Tài sản ngắn hạn khác	30.7	13.7	123%
Tài sản dài hạn	46.9	39.4	18.8%
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	-1.7%
Tài sản cố định	35.5	27.7	28.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.02	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	11.4	11.7	-2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	196	72.2	172%
Nợ ngắn hạn	191	68.8	178%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	52.8	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	49.0	43.2	13.5%
Nợ dài hạn	4.94	3.40	45.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	386	382	1.1%
Vốn chủ sở hữu	386	382	1.1%
Vốn điều lệ	216	216	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	123	64.0	21.6	56.4	106
Giá vốn hàng bán	89.4	51.1	28.3	62.7	93.0
Lợi nhuận gộp	33.8	12.9	-6.72	-6.30	12.6
Doanh thu HĐTC	1.00	0.93	2.18	2.36	1.54
Chi phí TC	0.85	0.28	0.10	0.29	0.27
Chi phí lãi vay	0.85	0.28	0.10	0.00	0.13
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	8.44	5.60	4.75	6.77	9.38
LN thuần từ HĐKD	25.6	7.97	-9.39	-11.0	4.51
Lợi nhuận khác	0.09	0.10	0.01	0.02	0.52
LN trước thuế	25.6	8.07	-9.38	-11.0	5.03
Lợi nhuận sau thuế	20.5	6.46	-6.63	-7.05	4.02
LNST của CĐ cty mẹ	20.5	6.46	-6.63	-7.05	4.02

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	75.1	142	-11.9	-12.3	-121
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.96	-0.68	-118	-13.7	94.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-81.5	-3.90	15.5	-15.5	52.8
Tiền đầu kỳ	34.5	30.0	167	53.1	11.7
Lưu chuyển tiền thuần	-4.52	137	-114	-41.4	26.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	-0.27	0.27	0	0
Tiền cuối kỳ	30.0	167	53.1	11.7	37.8

(Nguồn: fireant.vn)